

Số: 1583730

|                                            | Kia New Carnival 2.2D Luxury 8S          | Sorento Hybrid 1.6L Signature |
|--------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>1.299.000.000đ</b>                    | <b>1.247.000.000đ</b>         |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                                          |                               |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 5155 x 2010 x 1775                       |                               |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 3090                                     |                               |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5800                                     |                               |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 172                                      |                               |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 2070                                     |                               |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 2790                                     |                               |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 1139 - 4110                              |                               |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 72                                       |                               |
| Số chỗ ngồi                                | 8                                        |                               |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước                         |                               |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                                          |                               |
| Loại động cơ                               | Smartstream D2.2                         |                               |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 2151                                     |                               |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 199 / 3800                               |                               |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 440 / 1750-2750                          |                               |
| Hộp số                                     | 8AT                                      |                               |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)                          |                               |
| Hệ thống treo trước                        | Mc Pherson                               |                               |
| Hệ thống treo sau                          | Liên kết đa điểm                         |                               |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                                      |                               |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                                      |                               |
| Thông số lốp xe                            | 235/55 R19                               |                               |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 7.8                                      |                               |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.7                                      |                               |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 6.5                                      |                               |
| Chế độ lái                                 | Normal/Eco/Sport/Smart                   |                               |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                                          |                               |
| Cụm đèn trước                              | LED                                      |                               |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | ●                                        |                               |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                                        |                               |
| Cụm đèn sau                                | Halogen                                  |                               |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                                        |                               |
| Gạt mưa tự động                            | ●                                        |                               |
| Trang bị khác                              | Bagia mui, Cốp điện, Cửa hông trượt điện |                               |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                                          |                               |
| Vô lăng bọc da                             | ●                                        |                               |
| Chất liệu ghế                              | Da                                       |                               |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                                        |                               |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ         | ●                                        |                               |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                     | ●                                        |                               |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin              | 4.2                                      |                               |
| Màn hình giải trí trung tâm                | 12.3                                     |                               |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto         | Không dây                                |                               |

|                            |             |
|----------------------------|-------------|
| Hệ thống điều hòa tự động  | ●           |
| Số vùng khí hậu điều hòa   | 3           |
| Cửa gió cho hàng ghế sau   | Hàng 2 và 3 |
| Chìa khóa thông minh       | ●           |
| Khởi động nút bấm          | ●           |
| Khởi động từ xa            | ●           |
| Hệ thống âm thanh          | 6 loa       |
| Phanh đỗ điện tử           | ●           |
| Giữ phanh tự động Autohold | ●           |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX | ●           |

#### **AN TOÀN:**

|                                         |             |
|-----------------------------------------|-------------|
| Số túi khí                              | 8           |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS        | ●           |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD        | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA       | ●           |
| Hệ thống cân bằng điện tử               | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA | ●           |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa         | ●           |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                   | Trước & Sau |
| Hệ thống điều khiển hành trình          | ●           |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp           | ●           |
| Camera lùi                              | ●           |